

BÁO CÁO

Đánh giá việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn huyện Minh Long

Thực hiện Công văn số 20/UBND- NNTN ngày 13/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc đánh giá việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung theo Công văn số 16171/BTC-QLCS ngày 25/12/2018 của Bộ Tài chính.

Qua kiểm tra, rà soát, đánh giá việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn huyện. UBND huyện Minh Long báo cáo như sau:

I. Tình hình quản lý, sử dụng:

Tổng số công trình cấp nước trên địa bàn huyện là 31 công trình như sau:

TT	Tên công trình	Tổng số	Trong đó		
			Đang hoạt động	Không hoạt động	Đề nghị xin thanh lý
1	Xã Long Sơn	7	3	4	3
2	Xã Long Hiệp	2	2	0	
3	Xã Thanh An	5	4	1	
4	Xã Long Mai	8	5	3	2
5	Xã Long Môn	9	8	1	1
	Tổng số	31	22	9	6

- Hiện nay hầu hết các công trình cấp nước đã được bàn giao cho UBND các xã quản lý. Riêng công trình nước sinh hoạt Thác trắng tại xã Thanh An do phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Minh Long quản lý.

- Giao đơn vị khai thác sử dụng: Hợp tác xã nông nghiệp Long Hiệp quản lý, vận hành, cung cấp nước cho 300 hộ dân các thôn: Thôn 1, thôn 2 và thôn 3 xã Long Hiệp sử dụng.

- Hình thức quản lý công trình cấp nước hiện nay đều do cộng đồng dân cư tự quản lý, sử dụng.

(Có báo cáo công trình cấp nước sạch kèm theo)

II. Thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện:

1. Thuận lợi:

- Được sự quan tâm đầu tư của UBND tỉnh, các ngành các cấp, từ nhiều nguồn vốn khác nhau mà các công trình nước sạch đã được đầu tư xây dựng ở

các xã trong huyện. Những công trình hoàn thành đã tạo điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt và nâng cao chất lượng đời sống cho người dân nông thôn.

- Hiện nay nhu cầu về nước sạch trong sinh hoạt đang là nhu cầu cấp thiết của nhân dân trên địa bàn huyện. Nhờ đó trong quá trình triển khai, thực hiện xây dựng các công trình nước sinh hoạt được nhân dân đồng tình ủng hộ, nhân dân có ý thức trong việc giữ gìn, bảo vệ góp phần kéo dài tuổi thọ của công trình.

2. Khó khăn, vướng mắc:

- Hầu hết các công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện đều nằm ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, mật độ dân cư không tập trung, thưa thớt dẫn đến khó khăn trong quản lý, vận hành.

- Qua quá trình khai thác sử dụng, nguồn nước chưa được qua xử lý đảm bảo hợp vệ sinh nước sạch theo tiêu chuẩn.

- Khi vào mùa mưa bão thì cụm đầu mỗi thu nước thường bị cuốn trôi, cát bồi lấp vào đường ống dẫn nước; đường ống thường bị gãy do sạt lở nên việc cấp nước không được thường xuyên

- Người dân khai thác keo và vận chuyển keo trên địa bàn làm ảnh hưởng đến đường ống cấp nước.

- Một số hộ dân sử dụng nước thác trắng không nộp tiền, tự đầu nối đường ống nước cho hộ cá nhân.

- Mùa nắng thường thiếu nước, do đó không đảm bảo nguồn nước cung cấp cho công trình, dẫn đến thiếu nước vào mùa khô.

3. Đề xuất, kiến nghị:

- UBND tỉnh quan tâm hỗ trợ kinh phí đầu tư nhà máy cấp nước cho Trung tâm đô thị Minh Long đảm bảo tiêu chuẩn nước sạch cho đô thị.

- Xin nâng cấp những công trình chưa phát huy hết hiệu quả công suất, và không hoạt động để đảm bảo nguồn nước sinh hoạt thiết yếu cho người dân những vùng khó khăn không đủ nước phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất.

- Cần mở các lớp tập huấn về quản lý, vận hành các công trình cấp nước sinh hoạt để địa phương nắm bắt và vận hành được hiệu quả hơn.

Trên đây là báo cáo đánh giá việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn huyện. Báo cáo UBND tỉnh và Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính. ./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CT, các PCT;
- P. TCKH, NNPTNT;
- Lưu: VT

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Văn Điết



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH LONG



BÁO CÁO CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH

Kèm theo báo cáo số 17/BC-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2019 của UBND huyện Minh Long)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên công trình	Số lượng	Năm xây dựng	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích		Hiện trạng hoạt động		Nguyên giá				Giá trị còn lại	Ghi chú	
					DT đất (m ²)	DT sàn xây dựng (m ²)	Hoạt động	Không hoạt động	Tổng NS	Trong đó					
										Nguồn NSNN	Chương trình mục tiêu	Nguồn khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
I	UBND xã Long Sơn	7						3	4	7.318,156		7.318,156	0,000	4.727,677	
1	Nước sinh hoạt tự chảy xóm mới Sơn châu 1	1	2011	2012	200	100		X		702,770		702,770		210,83	
2	Nước Sinh hoạt tự chảy Sơn châu 2	1	2011	2012	200	100	X			950,387		950,387		858,312	
3	Nước sinh hoạt tự chảy yên Ngựa	1	2012	2012	400	40	X			2.364,802		2.364,802		2049,495	
4	Nước sinh hoạt thôn Gò nay	1	2012	2012	400	45	X			1.281,474		1.281,474		902,868	
5	Nước sinh hoạt tự chảy Cà Neo	1	2008	2008				X		499,800		499,800		0	Công trình xin thanh lý
6	HTCNSH chợ trung tâm cụm xã	1	2011	2012				X		500,000		500,000		250,320	Công trình xin thanh lý
7	Hệ thống cấp nước Trung tâm cụm xã Long Sơn	1	2009	2010				X		1.018,923		1.018,923		455,852	Công trình xin thanh lý
II	UBND xã Long Hiệp	2						2		937,600	937,600			220,000	
1	Nước sinh hoạt thôn Hà Bôi	1	2007	2008	60	15	X			499,900	499,900			120,000	
2	Nước sinh hoạt thôn Dục Ái	1	2009	2009	50	12	X			437,700	437,700			100,000	
III	UBND xã Thanh An	5			950	700		4	1	2.500,000	2.500,000			0,000	
1	Công trình nước sinh hoạt Đường Chơn - phiên Chá - Công Loan	1	2013	2013	200	100	X			900,000	900,000			0,000	
2	Công trình Nước sinh hoạt Pà Giang - Thanh Mâu	1	2011	2012	200	150	X			500,000	500,000			0,000	

3	Công trình Nước sinh hoạt Ruộng gò -Hóc Nhiêu (Đoạn qua thôn Hóc Nhiêu)	1	2011	2012	250	150	X		800,000	800,000			0,000	
4	Công trình Nước sinh hoạt Gò Ray - Ấp Gò bắc	1	2011	2011	300	300		X	300,000	300,000			0,000	
5	Nước sinh hoạt thác trắng Minh Long	1	2003	2003				X	1.600,000	1.600,000			350,000	Kinh te - Hạ tầng quản lý
IV	UBND xã Long Mai	8					5	3	2.847,394		2.693,222	154,172	842,285	
1	Nước sinh hoạt tự chảy Hóc Núi -Tối Lạc Thương	1	2012	31/7/2012	150	90	X		297,206		297,206		186,000	
2	Nước sinh hoạt tự chảy Mai Lãnh Hạ	1	2003	1/9/2003	110	100	X		322,011		322,011		0,000	
3	Nước sinh hoạt tự chảy xóm Gò Hồng - Mai Lãnh Trung	1	2003	19/11/2003	100	80	X		69,935		69,935		0,000	
4	Nước SH tự chảy xóm giữa Mai Lãnh Trung	1	2003	19/11/2003	455,2	90	X		94,089			94,089	0,000	
5	Nước sinh hoạt tự chảy thôn Minh Xuân	1	2002	20/09/200	450	150	X		364,37		364,37		0,000	
6	Nước sinh hoạt tự chảy thôn Ngã Lãng	1	2003	8/8/2003	298	70		X	60,083			60,083	0,000	Công trình xin thanh lý
7	Nước sinh hoạt tự chảy Thôn Tối Lạc Thương	1	2009	15/09/200	110	100		X	439,700		439,700		142,000	Công trình xin thanh lý
8	Nước sinh hoạt tự chảy Hồ Rạnh Chốt	1	2014	2014				X	1.200,000		1.200,000		514,285	
V	UBND xã Long Môn	9			0	0	9	1	2.311,697	0,000	2.121,391	190,306	1.081,241	
1	Nước sinh hoạt suối Chở Rìn	1	2008	2019				X	172,131		172,131		0,000	
2	Nước SHTC tập đoàn II- Lãng giữa	1	2007	2007				X	190,306			190,306	0,000	
3	Nước SHTC Suối Hà oai	1	2011	2012				X	500,000		500,000		0,000	
4	Nước SHTC Suối Tả Xô, Bãi vệt	1	2008	2008				X	200,000		200,000		0,000	
5	Nước SHTC Cà xen	1	2012	2012				X	1000,000		1000,000		866,000	
6	NSH TC Lãng Mim	1	2010	2010				X	359,000		359,000		287,280	
7	NSH TC Suối Cà Eo	1	2011	2012				X	449,260		449,260		367,241	
8	Hệ thống cấp nước Trung tâm cụm xã Long Môn	1	1999	2000				X						Công trình xin thanh lý

9	NSH tự chảy tập đoàn 4 suối lúa thôn Làng Ren	1	2016	2016			X		1000,000		1000,000		714,000	
	Tổng cộng	31					22	9	15914,847	3437,6	12132,77	344,478	6871,203	